

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦU KÈ
TỈNH TRÀ VINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 03/2024/HNGĐ - ST
Ngày: 23-01-2024
V/v “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU KÈ – TỈNH TRÀ VINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Yến Nhi;

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Ngô Thanh Xuân;

Ông Đặng Lễ Nghi.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Thi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Thân - Kiểm sát viên

Ngày 23 tháng 01 năm 2024, tại điểm cầu Trung tâm trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè và điểm cầu thành phần Ủy ban nhân dân xã Phong Thạnh, huyện Cầu Kè. Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè xét xử sơ thẩm công khai theo hình thức trực tuyến vụ án dân sự thụ lý số: 100/2023/TLST - HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2023, về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2024/QĐXXST - HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1977 (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp G, xã P, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Bị đơn: Ông Phùng Văn Đ, sinh năm 1973 (Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp G, xã P, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 05/10/2023 và lời khai của nguyên đơn bà Nguyễn Thị K trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa như sau:

Bà K và ông Phùng Văn Đ chung sống với nhau vào năm 1996, không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống có một con chung tên Phùng Thị Diễm M, sinh

ngày 12/5/1999 đã thành niên. Nguyên nhân mâu thuẫn do Bà K và ông Đ bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cự cãi, chung sống không có hạnh phúc nên không còn sống chung với nhau từ năm 2013 cho đến nay.

Nay Bà K không thể sống chung với ông Đ được nữa nên yêu cầu ly hôn với ông Phùng Văn Đ. Về con chung: Phùng Thị Diễm M đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Bà K và ông Đ không có nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Phùng Văn Đ vắng mặt nhưng có tự khai cung cấp cho Tòa án như sau:

Ông Đ và Bà K chung sống với nhau vào năm 1996, không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống có một con chung tên Phùng Thị Diễm M, sinh ngày 12/5/1999 đã thành niên. Bà K yêu cầu ly hôn thì ông thống nhất ly hôn với Bà K. Về con chung: đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Kè phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành của người tham gia tố tụng: Đối với nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Sau khi phân tích nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014: Không công nhận bà Nguyễn Thị K và ông Phùng Văn Đ là vợ chồng. Về con chung: đã thành niên không thuộc trường hợp không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình nên không xem xét giải quyết. Về tài sản chung: Không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Về nợ chung: Không có nên không xem xét giải quyết. Về án phí: Buộc bà Nguyễn Thị K phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xác định quan hệ tranh chấp của vụ án là “Ly hôn” và bị đơn cư trú tại Ấp G, xã P, huyện C, tỉnh Trà Vinh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè theo khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Phùng Văn Đ có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Đ.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà K và ông Đ chung sống với nhau vào năm 1996 trên cơ sở tự nguyện và không có đăng ký kết hôn. Căn cứ Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình 2014, việc xác lập quan hệ vợ chồng của Bà K và ông Đ không có giá trị pháp lý. Nay Bà K yêu cầu ly hôn với ông Đ, ông Đ có lời khai đồng ý ly hôn với Bà K. Tuy nhiên, Bà K và ông Đ chung sống như vợ chồng mà không có đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 tuyên bố không công nhận bà Nguyễn Thị K và ông Phùng Văn Đ là vợ chồng.

[4] Về con chung: Phùng Thị Diễm M, sinh ngày 12/5/1999 đã thành niên, không thuộc trường hợp không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Bà K và ông Đ không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về nợ chung: Bà K và ông Đ khai không có nợ chung, không có tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: Bà Nguyễn Thị K phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[8] Quan điểm về việc giải quyết vụ án của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[9] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 227, Điều 228, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Nguyễn Thị K và ông Phùng Văn Đ là vợ chồng.

Về con chung: Phùng Thị Diễm M, sinh ngày 12/5/1999 đã thành niên, không thuộc trường hợp không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị K và ông Phùng Văn Đ không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị K và ông Phùng Văn Đ khai không có nợ chung, không có tranh chấp nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Về án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị K phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm số tiền là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0017585, ngày 05 tháng 10 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cầu Kè. Bà Nguyễn Thị K đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị K có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn ông Phùng Văn Đ vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án; tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án; theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Cầu Kè;
- Chi cục THADS huyện Cầu Kè;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Yến Nhi

HỘI THẨM NHÂN DÂN

CHỦ TỌA

Ngô Thanh Xuân

Đặng Lễ Nghi

Phạm Thị Yến Nhi

